

LUẬT
HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG
Năm 2001

Quốc vương Bhumibol Adulyadej
Ban hành ngày 9 tháng 11 năm 2001
Năm thứ 56 triều đại Ratchakan thứ 9

Quốc vương Bhumibol Adulyadej đã ban hành sắc lệnh:

V/v sự cần thiết cần có luật về hoạt động truyền thông.

Luật này có một số mục liên quan đến việc giới hạn quyền và tự do của con người. Điều 29 cùng với điều 34, điều 37, điều 39, điều 48 và điều 50 Hiến pháp Vương quốc Thái Lan quy định có thể thi hành dựa trên quy định của pháp luật.

Vi vậy Ngài đã cho phép ban hành Luật với sự hướng dẫn và được thông qua bởi Thượng viện, như sau:

Điều 1: Luật này được gọi là “Luật về Hoạt động viễn thông năm 2001”.

Điều 2: Luật này có hiệu lực kể từ sau ngày ban bố trong công báo Chính phủ.

Điều 3: Ra lệnh hủy bỏ:

- (1) Luật về điện tín và điện thoại năm 1934
- (2) Luật về điện tín và điện thoại (bản 2) năm 1974.

Điều 4: Trong luật này:

“Hoạt động viễn thông” nghĩa là hoạt động viễn thông theo luật về Ban quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông.

“Tham gia hoạt động viễn thông” nghĩa là việc tham gia hoạt động dưới hình thức nhà cung cấp dịch vụ viễn thông cho người dân nói chung.

“Mã số viễn thông” nghĩa là con số, chữ cái hoặc ký hiệu khác, có thể là từng loại một hoặc kết hợp với nhau, dùng để thiết lập mạng viễn thông cho các hoạt động viễn thông.

“Mạng viễn thông” nghĩa là tập hợp các thiết bị viễn thông được liên kết với nhau, một cách trực tiếp hoặc thông qua tủ đầu dây hoặc thiết bị khác, cho hoạt động viễn thông giữa các điểm đến được quy định bởi hệ thống dây, hệ thống sóng vô tuyến, hệ thống ánh sáng, hệ thống điện từ, có thể là từng hệ thống hoặc kết hợp nhiều hệ thống.

“Kết nối” nghĩa là việc kết nối giữa các mạng viễn thông dưới sự thỏa thuận về kỹ thuật và thương mại, nhằm giúp cho người dùng dịch vụ của nhà hoạt động viễn thông này có thể liên lạc với người dùng dịch vụ của nhà hoạt động viễn thông khác.

“Ủy ban” nghĩa là Ủy ban hoạt động viễn thông quốc gia, theo quy định của luật về Ban quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông.

“Văn phòng” nghĩa là văn phòng ủy ban hoạt động viễn thông quốc gia.

“Bí thư” nghĩa là Bí thư ủy ban hoạt động viễn thông quốc gia.

“Cán bộ nhân viên” nghĩa là người được ủy ban viễn thông quốc gia bổ nhiệm thi hành theo Luật này theo thông báo trong công báo Chính phủ.

Điều 5: Thủ tướng chính phủ thay quyền thi hành theo Luật này.

Điều 6: Ủy ban có quyền bổ nhiệm cán bộ nhân viên và ra thông báo quy định các hoạt động khác nhằm thi hành theo Luật này.

Thông báo đó có hiệu lực kể từ khi được công bố trong công báo Chính phủ.

Chương 1

Cấp phép tham gia hoạt động viễn thông

Điều 7: Tổ chức mong muốn tham gia hoạt động viễn thông theo hình thức và loại hình do Ủy ban quy định theo Luật về Ban quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông, phải được cấp giấy phép bởi Ủy ban.

Giấy phép tham gia hoạt động viễn thông có ba loại như sau:

(1) Giấy phép loại một: là giấy phép dành cho tổ chức tham gia hoạt động viễn thông không có hạ tầng mạng viễn thông riêng, và có hình thức hoạt động thích

hợp cho dịch vụ tự do. Nếu tổ chức mong muốn tham gia hoạt động có hình thức như trên, và đã báo cho Ủy ban biết, Ủy ban phải cấp giấy phép tham gia hoạt động.

(2) Giấy phép loại hai: là giấy phép dành cho tổ chức tham gia hoạt động viễn thông có hoặc không có hạ tầng mạng viễn thông riêng, mong muốn tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ cho một nhóm người hoặc tham gia hoạt động không ảnh hưởng quan trọng đến sự cạnh tranh tự do công bằng, hoặc ảnh hưởng đến lợi ích cộng đồng và người tiêu dùng. Nếu tổ chức mong muốn tham gia hoạt động có hình thức như trên và đã thực hiện tất cả các nguyên tắc, quy định do Ủy ban quy định, Ủy ban phải cấp giấy phép tham gia hoạt động.

(3) Giấy phép loại ba: là giấy phép dành cho tổ chức tham gia hoạt động viễn thông đã có hạ tầng mạng viễn thông riêng, là hoạt động với mục tiêu cung cấp dịch vụ cho mọi người nói chung với số lượng nhiều, hoặc có thể có ảnh hưởng mang tính quan trọng đến sự cạnh tranh tự do công bằng, hoặc có thể ảnh hưởng đến lợi ích cộng đồng, hoặc có lý do cần thiết phải bảo vệ người tiêu dùng một cách đặc biệt. Khi tổ chức có mong muốn tham gia hoạt động có hình thức như trên và đã được nhận sự xem xét của Ủy ban thích hợp cấp giấy phép thì có thể tham gia hoạt động.

Tổ chức nhận giấy phép loại một, loại hai hoặc loại ba có quyền tham gia hoạt động viễn thông theo hình thức và loại hình, phạm vi cung cấp dịch vụ theo quy định của Ủy ban, phù hợp với hình thức hoạt động của từng loại giấy phép quy định tại đoạn hai và phải cân nhắc đến việc phát triển dịch vụ viễn thông đa dạng cùng với tính công bằng trong quá trình hoạt động.

Việc nộp đơn xin cấp giấy phép, tổ chức xin cấp giấy phép phải ghi rõ xin cấp giấy phép loại nào, đồng thời thông báo hình thức hoặc loại hình hoạt động mà tổ chức mong muốn được tham gia. Nếu mong muốn mở rộng hoạt động với hình thức hoặc loại hình khác sau khi đã được cấp giấy phép, tổ chức phải thông báo để Ủy ban biết trước khi bắt đầu hoạt động. Trong trường hợp này, Ủy ban sẽ quy định các quy tắc để tổ chức xin cấp giấy phép phải thực hiện theo đó.

Điều 8: Ủy ban ban hành thông báo quy định các nguyên tắc cấp giấy phép một cách công khai để các tổ chức mong muốn tham gia hoạt động biết trước về các yêu cầu cần có của tổ chức xin cấp giấy phép, cách thức xin cấp giấy phép, và nguyên tắc trong việc cấp giấy phép. Những điều này được quy định khác nhau theo từng loại giấy phép tại điều 7, và phải phù hợp với từng loại hình và hình thức của hoạt động viễn thông, và phải phù hợp với phương hướng cấp phép sử dụng sóng vô tuyến và cấp phép tham gia hoạt động viễn thông được quy định trong kế hoạch hoạt động viễn thông và kế hoạch

tần số vô tuyến theo quy định tại Luật về Ban quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông.

Thông báo tại đoạn một, Ủy ban phải quy định một cách chi tiết về yêu cầu của tổ chức xin cấp giấy phép, cách thức xin cấp giấy phép, giấy tờ chứng minh hoặc thông tin cần thiết trong việc cấp phép, cách thức xem xét cấp phép, thời gian xem xét cấp phép của Ủy ban, phạm vi cấp phép hoạt động, thời hạn cao nhất và thấp nhất của việc cấp phép hoạt động, cùng với các điều kiện khác cần thiết dành cho việc tham gia hoạt động.

Việc quy định các yêu cầu cần có của tổ chức xin cấp giấy phép cần tuân theo những điều sau:

(1) Tổ chức xin cấp giấy phép loại hai và tổ chức xin cấp giấy phép loại ba không được là người ngoại quốc theo quy định của Luật về hoạt động thương mại của người ngoại quốc, và phải có tỷ lệ cổ phần của người mang quốc tịch Thái Lan không ít hơn bảy mươi phần trăm của tổng cổ phần của pháp nhân đó. Ngoài ra còn phải có số ủy viên là người mang quốc tịch Thái Lan chiếm ba phần tư tổng số ủy viên và người có thẩm quyền ràng buộc công ty phải là người mang quốc tịch Thái Lan. Ủy ban có thể quy định cho tổ chức xin cấp giấy phép hoạt động với một số hình thức hoặc loại hình là pháp nhân phải quy định những điều cấm khác đối với việc chiếm lĩnh hoạt động bởi người không mang quốc tịch Thái Lan.

(2) Không phải người bị phá sản.

(3) Chưa từng bị thu hồi giấy phép tham gia hoạt động viễn thông.

(4) Người là ủy viên, quản lý hoặc người có quyền quản lý của tổ chức xin cấp giấy phép phải chưa từng bị kết án vi phạm Luật này, hoặc Luật về điện tín và điện thoại, Luật về viễn thông vô tuyến hoặc Luật về bảo vệ người tiêu dùng trong vòng hai năm trước khi nộp đơn xin cấp giấy phép.

(5) Tổ chức xin cấp giấy phép loại ba phải có kế hoạch đầu tư và kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông nhằm cung cấp dịch vụ một cách hiệu quả.

(6) Đạt yêu cầu về nhân phẩm theo quy định của Ủy ban dành cho việc xin cấp giấy phép từng loại theo điều 7.

Điều 9: Việc tham gia hoạt động viễn thông dành cho giấy phép loại ba có thời hạn được quy định trong giấy phép và phải nằm trong khoảng thời gian cao nhất và thấp nhất do Ủy ban quy định.

Việc xin gia hạn giấy phép dành cho giấy phép loại ba, tổ chức được cấp giấy phép phải nộp đơn xin gia hạn trước ngày giấy phép hết hiệu lực. Khi đã nộp đơn xin

trên, tổ chức được xem là đã được cấp giấy phép cho đến khi nhận được thông báo không được gia hạn giấy phép. Về việc này, Ủy ban phải xem xét và thông báo cho tổ chức được cấp giấy phép biết trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày nhận được đơn xin gia hạn.

Việc nộp đơn xin gia hạn giấy phép và việc cho phép gia hạn phải tiến hành theo nguyên tắc, cách thức và điều kiện do Ủy ban quy định và phải phù hợp với nguyên tắc theo quy định tại điều 8.

Việc quy định thời hạn trong việc cấp giấy phép và gia hạn giấy phép do Ủy ban quy định với sự cân nhắc thời hạn theo kế hoạch đầu tư, phạm vi cung cấp dịch vụ, phương hướng phát triển hoạt động của tổ chức xin cấp giấy phép, việc bảo vệ người tiêu dùng nhằm nhận được dịch vụ một cách liên tục và kết quả đánh giá hoạt động.

Hoạt động viễn thông đã được cấp giấy phép loại một hoặc giấy phép loại hai được hoạt động suốt thời gian còn cung cấp dịch vụ. Nếu tổ chức được cấp phép muốn ngưng hoạt động phải báo cho Ủy ban biết trước ít nhất một tháng. Ủy ban có thể quy định một số điều kiện để tổ chức được cấp giấy phép thực hiện trước khi ngưng hoạt động.

Điều 10: Việc xin cấp giấy phép tham gia hoạt động, nếu hoạt động đó có sử dụng sóng vô tuyến, tổ chức xin cấp giấy phép phải được cấp phép sử dụng sóng vô tuyến theo quy định của Luật về Ban quy hoạch sóng vô tuyến và quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông.

Trong trường hợp tổ chức được cấp giấy phép bị thu hồi quyền sử dụng sóng vô tuyến, xem như bị thu hồi giấy phép tham gia hoạt động viễn thông thuộc phần hoạt động có sử dụng sóng vô tuyến đó.

Điều 11: Tổ chức được cấp giấy phép phải nộp lệ phí sử dụng sóng vô tuyến, lệ phí số viễn thông và lệ phí giấy phép tham gia hoạt động theo tỷ giá, nguyên tắc và cách thức do Ủy ban quy định. Điều này không được tạo sức ép cho nhà điều hành hoặc người sử dụng dịch vụ một cách bất hợp lý.

Việc quy định tỷ giá và nguyên tắc của lệ phí sử dụng sóng vô tuyến và lệ phí mã số viễn thông, Ủy ban phải cân nhắc đến lợi ích cộng đồng, giá trị, sự thiếu hụt và cách thức quy hoạch tài nguyên trên.

Việc quy định tỷ giá và nguyên tắc của lệ phí cấp giấy phép tham gia hoạt động viễn thông, Ủy ban phải cân nhắc đến loại của giấy phép, chi phí trong việc quản lý hoạt động viễn thông phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Luật này.

Điều 12: Việc cấp giấy phép dành cho hoạt động viễn thông có sử dụng mã số viễn thông theo quy định trong kế hoạch mã số viễn thông, Ủy ban phải quy định mã số viễn thông dùng để sử dụng trong việc cung cấp dịch vụ hoặc khu vực cung cấp dịch vụ dành cho việc tham gia hoạt động viễn thông của tổ chức được cấp giấy phép.

Tổ chức được cấp giấy phép sẽ dùng mã số viễn thông cung cấp cho người dùng trong phạm vi mã số viễn thông được cấp phép từ Ủy ban.

Trong trường hợp phát hiện tổ chức được cấp giấy phép không dùng mã số viễn thông được cấp phép để cung cấp dịch vụ mà không có lý do chính đáng, hoặc mang mã số viễn thông không được cấp phép để cung cấp dịch vụ, Ủy ban phải yêu cầu tổ chức được cấp giấy phép thi hành theo những điều được cấp phép hoặc từ chối sử dụng mã số viễn thông đó, mà tổ chức được cấp giấy phép không được yêu cầu bất cứ phí bồi thường nào.

Trong trường hợp vì bảo vệ quyền lợi của người sử dụng dịch vụ, và khi đã sẵn sàng về mặt kỹ thuật, Ủy ban quy định phương hướng và nguyên tắc để người sử dụng dịch vụ có quyền sử dụng mã số viễn thông cũ. Nếu người sử dụng dịch vụ muốn thay đổi nhà cung cấp dịch vụ, vị trí hoặc loại hình dịch vụ, Ủy ban phải tiếp thu ý kiến của tổ chức được cấp giấy phép có liên quan.

Dưới hiệu lực của quy định do Ủy ban đưa ra tại điều 50, đoạn một, tổ chức được cấp giấy phép có nhiệm vụ cung cấp thông tin người sử dụng mã số viễn thông cho người xin thông tin để làm danh sách người sử dụng dịch vụ, và chỉ được tính chi phí của phần chi phí trong việc cung cấp thông tin.

Điều 13: Vì lợi ích trong việc quy định mã số viễn thông để tổ chức được cấp giấy phép sử dụng trong việc cung cấp dịch vụ, việc lên kế hoạch mã số viễn thông của Ủy ban theo quy định tại Luật về Bản quy hoạch sóng vô tuyến và quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông, phải bao gồm các nguyên tắc sau:

- (1) Mã số viễn thông vừa đủ cho việc cung cấp dịch vụ.
- (2) Việc sử dụng mã số viễn thông phải hiệu quả và công bằng.
- (3) Kế hoạch mã số viễn thông phải giúp phân biệt hình thức và loại hình của dịch vụ và thiết bị sử dụng trong hoạt động viễn thông một cách đơn giản và rõ ràng.
- (4) Chỉ có thể sửa đổi bổ sung kế hoạch mã số viễn thông trong trường hợp cần thiết.

Trong trường hợp Ủy ban quy định kế hoạch mã số viễn thông hoặc có sự sửa đổi bổ sung kế hoạch mã số viễn thông toàn bộ hoặc một số phần, tổ chức được cấp giấy phép phải thực hiện theo nguyên tắc mà Ủy ban quy định.

Điều 14: Trong trường hợp tổ chức được cấp giấy phép mong muốn mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ bằng cách thêm số lượng mã số viễn thông dành cho việc cung cấp dịch vụ hoặc mở rộng khu vực cung cấp dịch vụ, phải nộp đơn xin phép cho Ủy ban.

Trong trường hợp Ủy ban nhận thấy việc thêm số lượng mã số viễn thông hoặc mở rộng khu vực cung cấp dịch vụ có lợi cho cộng đồng, và không có hình thức ảnh hưởng đến sự cạnh tranh công bằng của hoạt động viễn thông, Ủy ban có thể xem xét cấp phép cho tổ chức được cấp giấy phép tiến hành theo nguyên tắc và yêu cầu do Ủy ban quy định. Việc này Ủy ban phải xem xét và báo với tổ chức được cấp giấy phép biết trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày nhận được đơn xin phép. Về việc cấp phép, Ủy ban phải thu lệ phí tham gia hoạt động viễn thông thuộc phần cấp phép bổ sung theo nguyên tắc do Ủy ban quy định.

Điều 15: Việc tham gia hoạt động viễn thông, tổ chức được cấp giấy phép phải thực hiện theo nguyên tắc quy định trong Luật về Bản quy hoạch sóng vô tuyến và quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông và theo các điều kiện do Ủy ban quy định.

Việc quy định điều kiện trong việc cấp phép, Ủy ban phải quy định quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy phép một cách rõ ràng, đồng thời quy định kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông của tổ chức được cấp giấy phép, ít nhất phải quy định trình tự và thời gian bắt đầu cung cấp dịch vụ chi tiết của hình thức và loại hình dịch vụ, tỷ giá dịch vụ, dịch vụ thông báo thông tin người dùng mã số viễn thông và các việc khác cần thiết trong việc cung cấp dịch vụ vì lợi ích cộng đồng.

Trong trường hợp quan trọng phải bảo vệ lợi ích cộng đồng, hoặc luật pháp hoặc hành vi thay đổi, Ủy ban có quyền sửa đổi bổ sung các điều kiện trong việc cấp phép theo nhu cầu cần thiết.

Điều 16: Trường hợp tổ chức được cấp giấy phép được cấp phép tham gia hoạt động theo mã số viễn thông hoặc theo khu vực quy định, nếu Ủy ban phát hiện tổ chức được cấp giấy phép không tiến hành cung cấp dịch vụ theo kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông được quy định tại điều kiện cấp phép theo điều 15 mà không có lý do chính đáng, và Ủy ban nhận thấy có ảnh hưởng đến lợi ích cộng đồng, Ủy ban có quyền thu hồi mã số viễn thông theo số lượng đã quy định, hoặc giới hạn khu vực cung cấp dịch vụ đã cấp phép mà tổ chức được cấp phép không được yêu cầu bất cứ phí tổn thất nào.

Điều 17: Ủy ban có nhiệm vụ thiết lập dịch vụ viễn thông cơ bản toàn diện, và có quyền quy định tổ chức được cấp giấy phép thiết lập các dịch vụ viễn thông sau đây:

(1) Thiết lập dịch vụ viễn thông cơ bản ở khu vực nông thôn, hoặc khu vực có lợi nhuận thấp, hoặc một khu vực nào đó chưa có nhà cung cấp dịch vụ hoặc có nhưng chưa toàn diện hoặc không đủ với nhu cầu của người sử dụng dịch vụ tại khu vực đó.

(2) Thiết lập dịch vụ viễn thông dành cho các học viện, địa điểm tôn giáo, khu vực bệnh viện và các tổ chức hỗ trợ cộng đồng khác.

(3) Thiết lập dịch vụ viễn thông cộng đồng theo một số hình thức và loại hình theo quy định của Ủy ban dành cho người có doanh thu thấp.

(4) Thiết lập dịch vụ tạo điều kiện thuận lợi trong việc sử dụng dịch vụ viễn thông dành cho người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi và người có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội.

Nguyên tắc, cách thức và điều kiện trong việc quy định tổ chức được cấp giấy phép thiết lập các dịch vụ viễn thông theo đoạn một phải tuân theo quy định của Ủy ban.

Ủy ban phải ra thông báo theo quy định tại đoạn hai trước để tổ chức có mong muốn xin cấp giấy phép biết được phạm vi thiết lập dịch vụ viễn thông theo đoạn một trước khi nộp đơn xin cấp giấy phép.

Việc quy định cho tổ chức được cấp giấy phép thiết lập các dịch vụ viễn thông theo quy định tại điều này không được để phát sức ép cho tổ chức xin cấp giấy phép, và phải có đối xử giống nhau giữa các tổ chức được cấp giấy phép có hình thức và loại hình dịch vụ giống nhau.

Điều 18: Trường hợp tổ chức được cấp giấy phép không thể thực hiện dịch vụ viễn thông theo Ủy ban quy định tại điều 17, hoặc trong trường hợp nhận thấy cần thiết để tổ chức được cấp giấy phép góp phần chịu trách nhiệm trong việc thực hiện dịch vụ viễn thông cơ bản toàn diện, Ủy ban có quyền quy định cho tổ chức được cấp giấy phép phải phân bổ doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho quỹ phát triển hoạt động viễn thông vì lợi ích cộng đồng theo quy định của Luật về Ban quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông, nhằm dùng để tiến hành thực hiện các dịch vụ theo quy định tại điều 17.

Điều 19: Ủy ban có quyền quy định các điều lệ nhằm hỗ trợ và xúc tiến các tổ chức được cấp giấy phép mới có cơ hội cung cấp dịch vụ viễn thông trong khu vực có thể cạnh tranh với các tổ chức được cấp giấy phép khác một cách hiệu quả, công bằng và bình đẳng.

Điều 20: Tổ chức được cấp giấy phép không thể nghỉ hoặc ngưng hoạt động cung cấp dịch vụ toàn bộ hoặc một số phần, trừ khi nhận được sự cho phép từ Ủy ban theo nguyên tắc và cách thức mà Ủy ban quy định.

Tổ chức được cấp giấy phép không được từ chối cung cấp dịch vụ cho một người nào đó mà không có lý do chính đáng.

Điều 21: Việc tham gia hoạt động viễn thông, ngoài việc phải thi hành theo quy định của Luật cạnh tranh thương mại, Ủy ban quy định các điều lệ đặc biệt theo hình thức tham gia hoạt động viễn thông, không để tổ chức được cấp giấy phép có những hành vi độc quyền, hoặc giảm, hoặc hạn chế sự cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông trong các vấn đề sau:

- (1) Hỗ trợ dịch vụ.
- (2) Chiếm hữu thương mại trong cùng loại hình dịch vụ.
- (3) Sử dụng quyền thị trường không công bằng.
- (4) Hành vi cản trở sự cạnh tranh.
- (5) Bảo vệ nhà điều hành nhỏ lẻ.

Điều 22: Tổ chức được cấp giấy phép phải báo cáo cho bí thư ủy ban biết không được chậm trễ nếu xảy ra các trường hợp sau:

(1) Tổ chức được cấp giấy phép bị thiệt hại nghiêm trọng, có thể làm phát sinh vấn đề trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông.

(2) Tổ chức được cấp giấy phép sẽ tham gia hoạt động khác ngoài các hoạt động được cấp phép.

(3) Tổ chức được cấp giấy phép thỏa thuận với tổ chức khác có quyền trong tất cả hoặc một số phần trong việc quản lý công việc của tổ chức được cấp giấy phép.

(4) Tổ chức được cấp giấy phép có hành vi chiếm lĩnh hoặc bị chiếm lĩnh hoạt động theo quy định của Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

(5) Trường hợp ảnh hưởng hoặc có thể gây ảnh hưởng đến việc tham gia hoạt động hoặc việc cung cấp dịch vụ của tổ chức được cấp giấy phép theo quy định của Ủy ban.

Các trường hợp (2) và (3), tổ chức phải báo cáo trước khi tiến hành thực hiện. Trường hợp (1), (4) và (5) phải báo cáo ngay khi xảy ra.

Khi bí thư nhận được báo cáo được đề cập tại đoạn hai phải nhanh chóng trình bày vấn đề cho Ủy ban. Ủy ban có quyền quy định các điều kiện để tổ chức được cấp giấy phép thi hành theo nhằm ngăn chặn các thiệt hại đến lợi ích cộng đồng.

Điều 23: Ủy ban có thể quy định cho tổ chức được cấp giấy phép thiết lập hệ thống ghi lại các thông tin liên quan đến bằng chứng sử dụng dịch vụ viễn thông của người dùng dịch vụ để người dùng dịch vụ có thể kiểm tra.

Điều 24: Trong trường hợp việc tham gia hoạt động viễn thông một số hình thức và loại hình có công nghệ riêng biệt mà không thể áp dụng các quy định trong chương này để phù hợp với hoạt động viễn thông đó, Ủy ban có quyền quy định các điều kiện dành cho việc tham gia hoạt động viễn thông thuộc hình thức và loại hình đó.

Việc quy định điều kiện tham gia hoạt động viễn thông tại đoạn một phải thực hiện theo quy định của Ủy ban.

Chương 2

Sử dụng và kết nối mạng viễn thông

Điều 25: Tổ chức được cấp giấy phép có hạ tầng mạng viễn thông có trách nhiệm cho tổ chức được cấp giấy phép khác kết nối mạng viễn thông của mình và của tổ chức được cấp giấy phép khác theo nguyên tắc và cách thức mà Ủy ban quy định.

Tổ chức được cấp giấy phép có hạ tầng mạng viễn thông phải chấp nhận cho tổ chức được cấp giấy phép khác sử dụng hạ tầng mạng viễn thông của mình theo nguyên tắc và cách thức mà Ủy ban quy định.

Việc từ chối không cho sử dụng mạng viễn thông chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- (1) Mạng viễn thông hiện có không đủ để tổ chức được cấp giấy phép khác sử dụng.
- (2) Việc sử dụng mạng viễn thông có vấn đề về kỹ thuật có thể ảnh hưởng đến hoạt động viễn thông hoặc làm cản trở hoạt động viễn thông.
- (3) Trường hợp khác do Ủy ban quy định.

Tổ chức được cấp giấy phép có hạ tầng mạng viễn thông từ chối cho sử dụng mạng viễn thông có trách nhiệm chứng minh lý do từ chối đó.

Việc thu phí sử dụng hoặc kết nối mạng phải hợp lý và công bằng giữa tổ chức được cấp giấy phép có hạ tầng mạng viễn thông với tổ chức xin sử dụng hoặc kết nối mạng viễn thông và phải công bằng giữa các tổ chức xin sử dụng hoặc kết nối mạng viễn thông.

Việc quy định nguyên tắc và cách thức theo quy định tại đoạn một và đoạn hai, Ủy ban phải tổ chức tiếp thu ý kiến của các tổ chức được cấp giấy phép có liên quan.

Điều 26: Trong trường hợp có sự từ chối không cho sử dụng mạng viễn thông hoặc có không thể thỏa thuận trong quá trình thương lượng làm hợp đồng sử dụng hoặc kết nối mạng viễn thông, đương sự có quyền yêu cầu Ủy ban xem xét đưa ra quyết định phân xử theo nguyên tắc và cách thức mà Ủy ban quy định. Quyết định của Ủy ban được xem là cao nhất.

Trong quá trình xem xét của Ủy ban theo quy định tại đoạn một, nếu có trường hợp cần thiết, Ủy ban có thể yêu cầu cho sử dụng hoặc kết nối mạng viễn thông tạm thời trước theo nguyên tắc và cách thức mà Ủy ban quy định.

Điều 27: Hợp đồng sử dụng hoặc kết nối mạng viễn thông phải có những điều khoản sau:

(1) Không làm cho người sử dụng dịch vụ bị thiệt hại.

(2) Không được phân biệt, chia rẽ hoặc cản trở tổ chức được cấp giấy phép khác.

(3) Quy định về mặt kỹ thuật tại điểm sử dụng hoặc kết nối mạng viễn thông phải rõ ràng, có tính khả thi về kỹ thuật và không gây ra sức ép đối với tổ chức sử dụng hoặc kết nối mạng viễn thông một cách quá đáng.

(4) Có quy định nhiệm vụ và trách nhiệm của tổ chức xin sử dụng hoặc tổ chức xin kết nối mạng viễn thông và tổ chức cho sử dụng hoặc tổ chức cho kết nối mạng viễn thông một cách rõ ràng.

(5) Việc quy định tỷ giá phí sử dụng hoặc kết nối mạng viễn thông theo nguyên tắc được quy định tại điều 25, đoạn năm.

(6) Các điều khoản khác do Ủy ban quy định.

Tổ chức được cấp giấy phép là chủ sở hữu mạng viễn thông phải nộp bản sao hợp đồng cho Ủy ban trong vòng mười ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. Nếu Ủy ban nhận thấy các điều khoản trong hợp đồng trên không đúng nguyên tắc được quy định tại đoạn một, Ủy ban có quyền yêu cầu tiến hành sửa đổi trong thời gian quy định. Nếu tổ chức được cấp giấy phép là chủ sở hữu mạng viễn thông không chấp nhận sửa đổi hợp đồng theo quy định của Ủy ban thì áp dụng theo quy định tại điều 65. Nhưng nếu tổ chức xin kết nối mạng viễn thông là người không chấp nhận sửa đổi hợp đồng thì hợp đồng đó xem như không có giá trị.

Điều 28: Tổ chức được cấp giấy phép phải thông báo thông tin chính xác và cần thiết trong việc sử dụng hoặc kết nối mạng viễn thông cho tổ chức xin cấp giấy phép khác là tổ chức xin được sử dụng hoặc tổ chức xin kết nối mạng viễn thông biết và

không được có những hành vi làm cho việc sử dụng hoặc kết nối mạng viễn thông của tổ chức được cấp giấy phép khác không thể hoạt động bình thường.

Nếu có sự thay đổi sửa đổi mạng viễn thông gây ảnh hưởng đến việc sử dụng hoặc kết nối mạng viễn thông, tổ chức được cấp giấy phép có hạ tầng mạng viễn thông phải thông báo về sự thay đổi sửa đổi trên trước trong khoảng thời gian thích hợp nhưng không được ít hơn sáu tháng.

Điều 29: Tổ chức được cấp giấy phép là chủ sở hữu mạng viễn thông phải công khai hợp đồng sử dụng hoặc kết nối mạng viễn thông theo cách thức do Ủy ban quy định.

Điều 30: Trường hợp tình hình nền kinh tế hoặc xã hội có sự thay đổi, hoặc có một vấn đề nào đó làm cho tỷ giá phí sử dụng hoặc kết nối mạng viễn thông quy định trong hợp đồng không còn phù hợp, làm phát sinh việc có lợi thế hoặc bất lợi giữa các tổ chức được cấp giấy phép là nguyên nhân làm cho bên nào đó phải gánh sức ép, tổ chức được cấp giấy phép là đối tác hợp đồng có thể xin thay đổi tỷ giá phí trên với Ủy ban. Việc cấp phép thay đổi, Ủy ban phải cân nhắc đến các ảnh hưởng đến người sử dụng dịch vụ.

Điều 31: Vì lợi ích trong việc duy trì an ninh quốc gia, hoặc vì phòng chống thiên tai có thể gây ra thiệt hại cộng đồng, hoặc vì hoạt động mang lại lợi ích cộng đồng, khi chính phủ yêu cầu Ủy ban, Ủy ban phải tiến hành tổ chức sử dụng hoặc kết nối mạng viễn thông giữa các tổ chức được cấp giấy phép và các tổ chức chính phủ liên quan. Trong trường hợp tương tự như vậy, tổ chức được cấp giấy phép có trách nhiệm thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban.

Chương 3

Tiêu chuẩn của mạng viễn thông và thiết bị

Điều 32: Ủy ban có quyền quy định loại hình của mạng viễn thông, mạng viễn thông, thiết bị viễn thông và công cụ được sử dụng trong hoạt động viễn thông có ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ viễn thông phải đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Ủy ban có thể quy định thiết bị sử dụng trong mạng viễn thông, thiết bị viễn thông và công cụ sử dụng trong hoạt động viễn thông phải được kiểm tra và đảm bảo tiêu chuẩn trước khi sử dụng để cung cấp dịch vụ viễn thông.

Điều 33: Tổ chức được cấp giấy phép phải bảo dưỡng sửa chữa và cải tiến mạng viễn thông, thiết bị viễn thông và công cụ sử dụng trong hoạt động viễn thông mà tổ chức được cấp giấy phép sử dụng trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông nhằm sử dụng được hiệu quả và đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định trong thông báo ban hành theo điều 32.

Điều 34: Tổ chức được cấp giấy phép loại ba phải có kỹ sư đạt yêu cầu và số lượng theo quy định của Ủy ban để làm nhiệm vụ giám sát dịch vụ viễn thông, việc cài đặt, kiểm tra và bảo dưỡng mạng viễn thông, thiết bị viễn thông và công cụ sử dụng trong hoạt động viễn thông của tổ chức được cấp giấy phép để đạt tiêu chuẩn về kỹ thuật.

Điều 35: Văn phòng có quyền nhận kiểm tra và bảo hành tiêu chuẩn của công cụ sử dụng trong mạng viễn thông, thiết bị viễn thông và công cụ sử dụng trong hoạt động viễn thông theo thông báo của Ủy ban theo quy định tại điều 32, đoạn hai, hoặc trường hợp có người mong muốn được kiểm tra và bảo hành tiêu chuẩn.

Việc kiểm tra và đảm bảo tiêu chuẩn tại đoạn một phải tiến hành theo nguyên tắc do Ủy ban quy định.

Điều 36: Tổ chức nào có mong muốn được thực hiện kiểm tra và bảo hành tiêu chuẩn phải thành lập thành bộ phận kiểm tra và bảo hành tiêu chuẩn của công cụ sử dụng trong mạng viễn thông, thiết bị viễn thông và công cụ sử dụng trong hoạt động viễn thông, phải là pháp nhân và phải được cấp giấy phép từ Ủy ban.

Các yêu cầu của tổ chức xin cấp giấy phép, việc nộp đơn xin cấp giấy phép, việc cấp giấy phép, thời hạn giấy phép, việc gia hạn giấy phép, lệ phí cấp giấy phép phải tuân theo nguyên tắc, cách thức và điều kiện do Ủy ban quy định.

Bộ phận kiểm tra và bảo hành phải có người kiểm tra đạt yêu cầu và số lượng theo quy định của Ủy ban.

Việc cấp phép thành lập bộ phận kiểm tra và bảo hành tiêu chuẩn, Ủy ban có thể quy định các điều kiện dành cho các trường hợp cần thiết.

Việc thu phí dịch vụ kiểm tra và bảo hành của tổ chức được cấp giấy phép theo đoạn một phải tuân theo tỷ giá do Ủy ban quy định.

Điều 37: Trong các trường hợp sau, Ủy ban có quyền thu hồi giấy phép thành lập bộ phận kiểm tra và bảo hành:

(1) Tổ chức được cấp giấy phép thành lập bộ phận kiểm tra và bảo hành không đạt đủ các yêu cầu được quy định trong thông báo được ban hành theo điều 36 đoạn hai.

(2) Bộ phận kiểm tra và bảo hành tiến hành việc kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra hoặc đảm bảo không trung thực.

(3) Việc kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra hoặc việc bảo hành được tiến hành một cách chậm trễ mà không có lý do chính đáng, làm cho tổ chức yêu cầu kiểm tra bị thiệt hại nghiêm trọng.

(4) Bộ phận kiểm tra và bảo hành có thành viên kiểm tra không đạt yêu cầu hoặc số lượng do Ủy ban quy định.

Việc thu hồi giấy phép theo đoạn một không làm ảnh hưởng đến việc bảo hành tiêu chuẩn do bộ phận kiểm tra và bảo hành đã tiến hành trước khi bị thu hồi giấy phép. Trừ việc bảo hành tiêu chuẩn không trung thực, hoặc không tuân theo tiêu chuẩn do Ủy ban quy định, Ủy ban có thể xem xét ra lệnh thu hồi việc bảo hành tiêu chuẩn đó.

Trong trường hợp có tổ chức bị thiệt hại do việc bảo hành tiêu chuẩn bị thu hồi giấy phép theo quy định tại đoạn hai, nếu tổ chức đó không hợp tác trong việc gian lận, bộ phận kiểm tra và bảo hành chất lượng bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho tổ chức đó.

Điều 38: Trong trường hợp mạng viễn thông, thiết bị viễn thông, hoặc các công cụ khác của tổ chức được cấp giấy phép không thể sử dụng được, vận hành không bình thường làm ảnh hưởng đến hoạt động viễn thông, hoặc không đạt tiêu chuẩn được quy định trong thông báo được ban hành theo quy định tại điều 32, cán bộ nhân viên có quyền yêu cầu cho tổ chức được cấp giấy phép sửa chữa, cải tiến hoặc từ chối sử dụng mạng viễn thông hoặc thiết bị đó.

Quy định tại đoạn một được áp dụng với các thiết bị sử dụng trong hoạt động viễn thông của người dùng dịch vụ một cách linh động.

Chương 4

Quyền lợi của tổ chức được cấp giấy phép.

Điều 39: Trong hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông, nếu tổ chức được cấp giấy phép có lý do phải trồng cột hoặc lắp đặt đường dây, đặt ống hoặc lắp đặt thiết bị và cần thiết sử dụng các quyền lợi trong điều này, tổ chức được cấp giấy phép phải làm sơ đồ thể hiện chi tiết đặc điểm phương hướng và ranh giới trong việc trồng cột, lắp đặt đường dây, đặt ống và lắp đặt các thiết bị, trình lên Ủy ban xin ý kiến trước khi tiến hành thực hiện.

Khi Ủy ban cho phép thực hiện theo quy định tại đoạn một, tổ chức được cấp giấy phép có các quyền lợi sau đây:

(1) Lắp đặt đường dây hoặc lắp đặt các thiết bị đi kèm trong hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông, phải thực hiện trên cột, ống hoặc các kiến trúc xây dựng khác, hoạt động với hình thức tương tự với tổ chức được cấp giấy phép khác hoặc tổ chức chính phủ hoặc các tổ chức cung cấp tiện ích công cộng khác. Tổ chức được cấp giấy phép khác hoặc tổ chức Chính phủ đó không được từ chối không cho phép thực hiện, nhưng có thể thu phí sử dụng nếu cần thiết.

(2) Trồng hoặc cắm cột, hoặc lắp đặt đường dây, đặt ống hoặc lắp đặt các thiết bị đi kèm trong hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông tại vùng đất là tài sản chung của quốc gia, nhưng phải báo với cán bộ Chính phủ có trách nhiệm quản lý vùng đất đó biết trước, và phải thực hiện theo nguyên tắc và điều kiện do cán bộ Chính phủ có trách nhiệm quản lý vùng đất đó quy định.

(3) Trồng hoặc cắm cột, hoặc lắp đặt đường dây, đặt ống hoặc lắp đặt các thiết bị đi kèm trong hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông tại đất của người khác, nhưng phải thỏa thuận với chủ sở hữu của vùng đất đó theo hướng dẫn của Ủy ban.

Trong trường hợp tổ chức được cấp giấy phép không thể thi hành theo quy định tại đoạn hai vì lý do không được cấp phép hoặc có sự yêu cầu chi phí hoặc phí bồi thường quá cao so với điều kiện sử dụng, tổ chức được cấp giấy phép có thể yêu cầu Ủy ban xem xét. Nếu Ủy ban nhận thấy hoạt động của tổ chức được cấp giấy phép là trường hợp cần thiết không thể tránh khỏi, và không làm phát sinh thiệt hại cho các tổ chức Chính phủ, chủ sở hữu của vùng đất hoặc tài sản đó một cách vô lý, Ủy ban có quyền thông báo việc sử dụng vùng đất hoặc tài sản để phục vụ hoạt động đó cho cán

bộ Chính phủ có trách nhiệm quản lý vùng đất hoặc tài sản, hoặc chủ sở hữu vùng đất hoặc tài sản biết trước ít nhất ba mươi ngày, và phải báo rõ ngày, thời gian và hoạt động sẽ thực hiện.

Người được thông báo theo quy định tại đoạn ba có thể nộp đơn yêu cầu trình bày lý do không thể sử dụng vùng đất hoặc tài sản cho hoạt động đó, hoặc hoạt động kể trên sẽ gây ra thiệt hại nghiêm trọng đến việc sử dụng vùng đất hoặc tài sản cho Ủy ban để đưa ra quyết định trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu. Quyết định của Ủy ban sẽ là quyết định cuối cùng.

Nếu đã quá thời hạn mà Ủy ban thông báo theo quy định tại đoạn ba và tổ chức được cấp giấy phép đã trả các chi phí cho việc sử dụng vùng đất hoặc tài sản theo quy định tại điều 40, tổ chức được cấp giấy phép có quyền sử dụng vùng đất hoặc tài sản để hoạt động theo quy định tại đoạn hai, nhưng phải tuân theo nguyên tắc do Ủy ban quy định, không được làm phiền hoặc không làm ảnh hưởng đến tình trạng tự nhiên và không làm cho lợi ích của vùng đất đó giảm xuống một cách quá đáng.

Điều 40: Tổ chức được cấp giấy phép phải trả chi phí sử dụng vùng đất theo quy định tại điều 39 với số lượng do Ủy ban quy định.

Trong trường hợp tổ chức có trách nhiệm quản lý vùng đất hoặc tài sản, hoặc chủ sở hữu của vùng đất hoặc tài sản không chấp nhận chi phí được quy định tại đoạn một, tổ chức được cấp giấy phép phải nộp số tiền phí đó cho Ủy ban theo nguyên tắc do Ủy ban quy định.

Tổ chức được cấp giấy phép hoặc chủ sở hữu vùng đất hoặc cán bộ quản lý vùng đất không bằng lòng với số tiền chi phí mà Ủy ban quy định tại đoạn một có quyền khởi kiện lên Tòa án hành chính.

Điều 41: Khi đã báo với cán bộ Chính phủ có trách nhiệm quản lý vùng đất hoặc tài sản, hoặc chủ sở hữu vùng đất hoặc tài sản biết trước theo nguyên tắc do Ủy ban quy định, tổ chức được cấp giấy phép có quyền căng dây qua vùng đất là tài sản chung của quốc gia hoặc vùng đất của người khác mà không cần nhận được sự đồng ý, nếu hoạt động kể trên không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng vùng đất đó.

Cán bộ Chính phủ có trách nhiệm quản lý vùng đất hoặc tài sản, hoặc chủ sở hữu vùng đất có thể báo cho tổ chức được cấp giấy phép căng dây trong khu vực không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng vùng đất của mình. Nếu bị thiệt hại từ hoạt động, có

thể yêu cầu phí bồi thường từ tổ chức được cấp giấy phép. Điều này phải áp dụng quy định tại điều 39 và điều 40 một cách linh động.

Áp dụng quy định tại điều này cho hoạt động tại điều 39 đoạn hai (1).

Điều 42: Tổ chức được cấp giấy phép có thể đến vùng đất có hạ tầng mạng viễn thông, cột, dây, ống hoặc thiết bị tại vùng đất đó để tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc phòng ngừa nguy hiểm hoặc thiệt hại có thể xảy ra. Điều này phải có giấy báo với chủ sở hữu của vùng đất đó biết trước ít nhất ba mươi ngày. Trừ trường hợp khẩn cấp cần phải sửa chữa thiệt hại ngay thời điểm đó, tổ chức được cấp giấy phép có thể đến vùng đất đó để tiến hành sửa chữa ngay.

Nếu có thiệt hại phát sinh từ hoạt động tại đoạn một, người bị thiệt hại có quyền yêu cầu bồi thường cho thiệt hại đó từ tổ chức được cấp giấy phép.

Điều 43: Trong trường hợp thiết bị của người sử dụng dịch vụ viễn thông làm phát sinh sự nhiễu sóng viễn thông hoặc làm cho hạ tầng mạng viễn thông hoặc thiết bị sử dụng trong việc tham gia hoạt động viễn thông của tổ chức được cấp giấy phép thiệt hại, tổ chức được cấp giấy phép có giấy báo với người sử dụng dịch vụ đó thay đổi hoặc sửa chữa cải tiến thiết bị trên trong thời gian thích hợp.

Trong trường hợp người dùng dịch vụ không thực hiện theo giấy báo tại đoạn một, và việc sử dụng thiết bị đó vẫn làm nhiễu sóng viễn thông, hoặc làm cho hạ tầng mạng viễn thông hoặc thiết bị sử dụng trong việc tham gia hoạt động viễn thông của tổ chức được cấp giấy phép thiệt hại, tổ chức được cấp giấy phép có thể từ chối cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ đó cho đến khi người sử dụng dịch vụ đó thực hiện theo giấy báo.

Trong trường hợp khẩn cấp, tổ chức được cấp giấy phép có thể từ chối cung cấp dịch vụ viễn thông ngay lập tức và thông báo sau.

Điều 44: Cấm không cho ai làm tổn thất, phá hủy, làm giảm giá trị, làm mất giá trị hạ tầng mạng viễn thông, cột, đường dây, ống thiết bị thu phát hoặc các thiết bị khác sử dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông hoặc trạm cung cấp dịch vụ viễn thông.

Vì lợi ích của điều luật này, Ủy ban có thể thông báo quy định các điều khoản bảo hộ các vật dụng theo đoạn một nếu cần thiết.

Chương 5

Quyền lợi của người sử dụng dịch vụ.

Điều 45: Người nào bị tổn thất từ việc cung cấp dịch vụ viễn thông của tổ chức được cấp giấy phép, người đó có quyền khiếu nại với Ủy ban bằng cách làm đơn nộp lên văn phòng.

Đơn khiếu nại tại đoạn một phải ghi sự thật một cách rõ ràng, và nếu có giấy tờ chứng minh liên quan đến trường hợp đó thì phải nộp cùng với đơn đó.

Trong quá trình xem xét khiếu nại của Ủy ban, người khiếu nại có thể yêu cầu Ủy ban có quyền xem xét quy định tổ chức được cấp giấy phép có hành động sửa chữa tổn thất cho người khiếu nại một cách tạm thời.

Điều 46: Ủy ban phải xem xét vấn đề khiếu nại cho hoàn tất trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, và phải cho các bên đương sự có cơ hội trình bày sự thật và đưa ra các chứng cứ của mình. Trong trường hợp Ủy ban nhận thấy tổ chức được cấp giấy phép có hành vi trái pháp luật, điều kiện cấp định phép, hợp đồng cung cấp dịch vụ, hoặc không đạt tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ, Ủy ban có quyền yêu cầu tổ chức được cấp giấy phép tiến hành sửa đổi cho phù hợp trong thời gian quy định.

Điều 47: Trong trường hợp người sử dụng dịch vụ nhận thấy tổ chức được cấp giấy phép thu phí dịch vụ hoặc lệ phí cao hơn tỷ giá do Ủy ban quy tại điều 55, hoặc cao hơn người sử dụng dịch vụ khác sử dụng dịch vụ viễn thông cùng hình thức và loại hình, hoặc nhận thấy tổ chức được cấp giấy phép thu lệ phí hoặc phí dịch vụ không đúng, người sử dụng dịch vụ có quyền được biết thông tin về việc sử dụng dịch vụ của mình từ tổ chức được cấp giấy phép.

Tổ chức được cấp giấy phép phải báo thông tin theo đoạn một cho người sử dụng dịch vụ biết trong thời gian thích hợp nhưng không quá ba mươi ngày kể từ ngày đưa ra yêu cầu. Và trong trường hợp người sử dụng dịch vụ yêu cầu, tổ chức được cấp giấy phép phải làm giấy đảm bảo thông tin chính xác cho người sử dụng dịch vụ, và có thể thu phí cho hoạt động này, nhưng phí này không được cao hơn thực tế và phải tuân theo nguyên tắc do Ủy ban quy định.

Điều 48: Trong trường hợp có sự nghi ngờ tổ chức được cấp giấy phép thu phí dịch vụ hoặc lệ phí dưới một hình thức nào đó tại điều 47, đoạn một, người sử dụng dịch vụ có quyền khiếu nại với Ủy ban và áp dụng các quy định tại điều 45 và điều 46 để thi hành một cách linh động.

Trong việc xem xét khiếu nại tại đoạn một, tổ chức được cấp giấy phép có trách nhiệm chứng minh sự thật để khẳng định sự chính xác trong việc thu lệ phí hoặc phí dịch vụ.

Điều 49: Người sử dụng dịch vụ có quyền sử dụng các thiết bị viễn thông của mình trong việc nhận dịch vụ từ tổ chức được cấp giấy phép.

Việc thu lệ phí sử dụng thiết bị viễn thông của người sử dụng dịch vụ sử dụng cùng với hệ thống cung cấp dịch vụ của tổ chức được cấp giấy phép phải đúng theo tỷ giá và nguyên tắc do Ủy ban quy định.

Việc cung cấp dịch vụ viễn thông, tổ chức được cấp giấy phép không thể quy định điều kiện cung cấp dịch vụ ép buộc người sử dụng dịch vụ phải sử dụng thiết bị viễn thông của tổ chức được cấp giấy phép hoặc theo tổ chức được cấp giấy phép quy định. Trừ khi việc cung cấp dịch vụ viễn thông tại loại hình với sự cần thiết về mặt kỹ thuật phải sử dụng thiết bị viễn thông của tổ chức được cấp giấy phép quy định. Tổ chức được cấp giấy phép có thể quy định các điều kiện kể trên nếu được Ủy ban phê duyệt. Nhưng việc quy định loại thiết bị viễn thông nói trên không phải việc bãi bỏ quyền lợi của người sử dụng dịch vụ trong việc tự lựa chọn thiết bị viễn thông theo loại được quy định để sử dụng trong dịch vụ. Về việc này, tổ chức được cấp giấy phép không thể từ chối cung cấp dịch vụ hoặc kết nối với hệ thống cung cấp dịch vụ cho người sử dụng dịch vụ.

Điều 50: Ủy ban quy định các điều khoản để bảo vệ người sử dụng dịch vụ liên quan đến thông tin cá nhân, quyền lợi cá nhân và tự do trong giao tiếp thông qua đường viễn thông.

Tổ chức được cấp giấy phép có trách nhiệm thi hành theo các quy định của Ủy ban tại đoạn một.

Nếu nhận thấy có người nào có hành vi vi phạm quyền lợi của người sử dụng dịch vụ theo quy định tại đoạn một, tổ chức được cấp giấy phép hoặc Ủy ban phải hành động nhằm ngăn chặn những hành vi trên, và phải nhanh chóng báo với người sử dụng dịch vụ biết.

Chương 6

Hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông.

Điều 51: Hợp đồng giữa tổ chức được cấp giấy phép và người sử dụng dịch vụ viễn thông, và các điều kiện liên quan đến việc cung cấp dịch vụ viễn thông mà tổ chức được cấp giấy phép quy định, kể cả những sửa đổi hợp đồng hoặc điều kiện kể trên phải nhận được sự phê duyệt của Ủy ban trước.

Hợp đồng và điều kiện mà Ủy ban phê duyệt ít nhất phải:

(1) Có các điều quy định về nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy phép và người sử dụng dịch vụ một cách rõ ràng và công bằng.

(2) Có các điều quy định liên quan đến tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ của tổ chức được cấp giấy phép.

(3) Có các điều quy định liên quan đến loại hình và phạm vi chi phí trong việc sử dụng dịch vụ một cách đầy đủ, công bằng và phải có các điều quy định đảm bảo không thu các khoản chi phí khác ngoài các khoản đã quy định.

(4) Không có các điều quy định giới hạn việc sử dụng của người sử dụng dịch vụ mà không có lý do thích đáng.

(5) Không có các điều quy định có hình thức phân biệt, cản trở người sử dụng dịch vụ hoặc không công bằng với một bên nào đó.

Khi tổ chức được cấp giấy phép đã nhận được sự phê duyệt trong hợp đồng hoặc các điều kiện, tổ chức được cấp giấy phép có quyền mang hợp đồng hoặc các điều kiện đó sử dụng với người sử dụng dịch vụ.

Vì lợi ích của điều khoản này, Ủy ban có quyền ra thông báo quy định tiêu chuẩn của hợp đồng và điều kiện liên quan đến việc cung cấp dịch vụ viễn thông, và có thể quy định các thỏa thuận hoặc điều kiện trong một số vấn đề không cần phải được phê duyệt từ Ủy ban.

Trong trường hợp có luật nào quy định nguyên tắc làm hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ viễn thông nhằm bảo vệ người tiêu dùng, tổ chức được cấp giấy phép có trách nhiệm thực hiện theo nguyên tắc của luật kể trên.

Điều 52: Tổ chức được cấp giấy phép phải tổ chức công khai mẫu hợp đồng và việc quy định điều kiện trong việc cung cấp dịch vụ của mình một cách rộng rãi theo

cách thức do Ủy ban quy định, và phải trưng bày ở chỗ công khai dễ nhìn tại nơi làm việc của tổ chức được cấp giấy phép để cho người dân có thể kiểm tra được.

Điều 53: Trong trường hợp tổ chức được cấp giấy phép đã quảng cáo khẳng định tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ viễn thông của mình, tổ chức được cấp giấy phép có trách nhiệm phải thực hiện theo những điều đã quảng cáo.

Nếu tổ chức được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không đúng với những điều đã quảng cáo, Ủy ban có quyền yêu cầu tổ chức được cấp giấy phép tiến hành sửa đổi để đúng với quảng cáo.

Điều 54: Hợp đồng hoặc các thỏa thuận liên quan đến việc tham gia hoạt động và cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của Ủy ban, nếu tổ chức được cấp giấy phép thực hiện với chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế và người hoặc pháp nhân ở nước ngoài, kể cả việc sửa đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng hoặc các thỏa thuận trên phải được nhận sự phê duyệt từ Ủy ban trước, trừ khi đó là việc thu mua, thuê mướn đơn thuần.

Tổ chức được cấp giấy phép phải nộp tất cả bản sao hợp đồng hoặc thỏa thuận thực hiện với chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế và người hoặc pháp nhân ở nước ngoài theo nguyên tắc do Ủy ban quy định trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày thực hiện hợp đồng hoặc thỏa thuận trên. Trừ các hợp đồng hoặc thỏa thuận liên quan đến việc thu mua, thuê mướn, hoặc hợp đồng, thỏa thuận mà Ủy ban thông báo quy định không cần nộp cho Ủy ban.

Trong trường hợp Ủy ban nhận thấy hợp đồng hoặc thỏa thuận được thực hiện mà không nhận được sự phê duyệt của Ủy ban theo quy định tại đoạn một, hoặc có hoạt động khác với sự phê duyệt của Ủy ban, Ủy ban có quyền yêu cầu tổ chức được cấp giấy phép tiến hành sửa đổi theo nguyên tắc và thời hạn do Ủy ban quy định. Nếu tổ chức được cấp giấy phép không thực hiện trong thời hạn trên thì được xem là nguyên nhân thu hồi giấy phép.

Chương 7

Lệ phí và phí dịch vụ trong hoạt động viễn thông

Điều 55: Ủy ban phải thông báo quy định loại và tỷ giá cao nhất của lệ phí và phí dịch vụ mà tổ chức được cấp giấy phép sẽ thu của người sử dụng dịch vụ theo hình thức và loại hình của hoạt động viễn thông được cấp phép hoạt động.

Điều 56: Việc quy định tỷ giá cao nhất của lệ phí và phí dịch vụ theo quy định tại điều 55 phải:

- (1) Có cách thức tính toán rõ ràng.
- (2) Là tỷ giá công bằng đối với tổ chức được cấp giấy phép và người sử dụng dịch vụ.
- (3) Không có tính phân biệt hoặc cản trở người sử dụng dịch vụ hoặc một người nào đó.

Điều 57: Từng tổ chức được cấp giấy phép không thể thu lệ phí và phí dịch vụ khác hoặc nhiều hơn tỷ giá cao nhất mà Ủy ban quy định tại điều 55, và không được là việc quy định tỷ giá mang tính cản trở thương mại, làm cản trở cạnh tranh công bằng, phải thu từ người sử dụng dịch vụ của mình với tỷ giá giống nhau dành cho dịch vụ viễn thông có hình thức và loại hình giống nhau.

Ủy ban có thể quy định cho tổ chức được cấp giấy phép giảm hoặc bỏ lệ phí hoặc phí dịch vụ dành cho việc cung cấp dịch vụ thông tin tin tức và kiến thức vì lợi ích trong việc tăng cường sự hiểu biết của người dân theo nguyên tắc do Ủy ban quy định.

Điều 58: Tổ chức được cấp giấy phép không thể thu tiền thế chân hoặc tiền khác với hình thức thu trước.

Việc làm trái hoặc không thực hiện theo quy định này của tổ chức được cấp giấy phép được xem là việc làm phát sinh tổn thất nghiêm trọng đối với lợi ích cộng đồng.

Điều khoản quy định này áp dụng với hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông thực hiện theo Luật này.

Điều 59: Tổ chức được cấp giấy phép phải tổ chức công khai tỷ giá lệ phí và phí dịch vụ của mình một cách rộng rãi và phải báo với tất cả người sử dụng dịch vụ biết theo cách thức mà Ủy ban quy định, và phải trưng bày tỷ giá kê trên ở nơi công khai để thấy tại nơi làm việc của tổ chức được cấp giấy phép để người dân có thể kiểm tra.

Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban có quyền quy định cho tổ chức được cấp giấy phép phải có hệ thống báo tỷ giá phí dịch vụ và lệ phí để người sử dụng dịch vụ biết trước mỗi lần sử dụng dịch vụ nếu người sử dụng dịch vụ cần. Điều này không tính chi phí.

Điều 60: Trong trường hợp tình hình kinh tế hoặc xã hội thay đổi, hoặc có nguyên nhân nào đó làm cho tỷ giá cao nhất của lệ phí hoặc phí dịch vụ do Ủy ban quy định theo quy định tại điều 55 không còn thích hợp, làm phát sinh thế lợi và hại giữa các tổ chức được cấp giấy phép, hoặc là nguyên nhân làm cho người sử dụng dịch vụ phải nhận sức ép một cách không công bằng, Ủy ban có thể xem xét sửa đổi tỷ giá lệ phí hoặc phí dịch vụ trên cho phù hợp.

Chương 8

Giám sát quản lý

Điều 61: Để hoạt động tuân theo các quy định của Luật này, cán bộ nhân viên có quyền và trách nhiệm như sau:

(1) Đến công trình hoặc địa điểm hoạt động của tổ chức được cấp giấy phép trong khoảng thời gian từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn, hoặc trong thời gian làm việc của địa điểm đó để kiểm tra hoạt động, sổ sách kế toán, giấy tờ chứng minh hoặc thông tin có liên quan, cùng với các hoạt động có thể làm trái với quy định của Luật này, hoặc không thực hiện theo quy định trong giấy phép.

(2) Có thư mời người nào đó đến làm chứng, hoặc gửi các giấy tờ hoặc các vật thể đến để hỗ trợ cho việc xem xét.

(3) Kiểm tra và thu thập sự thật và báo cáo với Ủy ban trong trường hợp tổ chức được cấp giấy phép có hành vi sai trái hoặc làm phát sinh tổn thất do không thực hiện theo quy định của Luật này, hoặc các điều kiện được quy định để cấp giấy phép.

Việc thực hiện trách nhiệm của cán bộ nhân viên tại đoạn một, những người có liên quan phải hỗ trợ theo khả năng.

Nếu đã đến hiện trường và tiến hành kiểm tra theo quy định tại đoạn một nhưng vẫn chưa hoàn tất, có thể tiếp tục làm việc trong thời gian sau khi mặt trời lặn hoặc ngoài thời gian làm việc của địa điểm đó.

Việc thực hiện trách nhiệm của cán bộ nhân viên tại điều này phải tuân theo nguyên tắc do Ủy ban quy định. Thông báo nói trên phải quy định chức vụ của nhân viên có quyền thi hành theo điều này, và phải quy định nguyên nhân và sự cần thiết dùng đến quyền và trách nhiệm tại điều này trong từng trường hợp.

Việc thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Luật này, ủy viên và cán bộ nhân viên được xem là cán bộ theo bộ luật hình sự.

Điều 62: Trong quá trình thực hiện trách nhiệm, cán bộ phải xuất trình thẻ cán bộ cho người có liên quan.

Thẻ cán bộ của cán bộ phải đúng với mẫu do Ủy ban quy định.

Điều 63: Trong trường hợp khẩn cấp hoặc cần thiết nhằm giữ gìn trật tự của nhân dân, sự ổn định của đất nước, hoặc sự bình ổn kinh tế, hoặc nhằm bảo vệ lợi ích cộng đồng, Ủy ban có thể yêu cầu cán bộ giữ và sử dụng các thiết bị và công cụ của tổ chức được cấp giấy phép để làm việc hoặc giao cho các đơn vị của Chính phủ làm việc thay một cách tạm thời, hoặc yêu cầu tổ chức được cấp giấy phép hoặc nhân viên của tổ chức được cấp giấy phép thi hành như trên cho đến khi trường hợp khẩn cấp hoặc sự cần thiết đó kết thúc.

Việc thực hiện trách nhiệm tại đoạn một, nếu cán bộ làm phát sinh sự tổn thất cho tổ chức được cấp giấy phép, tổ chức được cấp giấy phép có quyền yêu cầu phi bồi thường thiệt hại từ văn phòng một cách công bằng.

Chương 9

Thi hành quyết định hành chính

Điều 64: Trong trường hợp Ban thư ký phát hiện tổ chức được cấp giấy phép làm trái hoặc không thực hiện theo quy định tại điều 9 đoạn năm, điều 11, điều 12 đoạn hai hoặc đoạn ba, điều 13 đoạn hai, điều 15, điều 17, điều 18, điều 20, điều 22, điều 23, điều 24, điều 25, điều 26 đoạn hai, điều 27, điều 28, điều 29, điều 33, điều 34, điều 38, điều 45 đoạn ba, điều 46, điều 49, điều 50, điều 51, điều 52, điều 53, điều 54, điều 56, điều 57, điều 58 hoặc điều 59, Thư ký có quyền yêu cầu tổ chức được cấp giấy phép dừng việc làm sai trái hoặc sửa chữa cải tiến, hoặc thi hành đúng hoặc phù hợp trong khoảng thời gian quy định.

Điều 65: Trong trường hợp tổ chức được cấp giấy phép nhận được yêu cầu của Thư ký theo quy định tại điều 64 nhưng không bằng lòng với yêu cầu đó, thì tổ chức được cấp giấy phép có quyền kháng cáo với Ủy ban trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu trên. Quyết định của Ủy ban sẽ là quyết định cuối cùng.

Điều 66: Trong trường hợp tổ chức được cấp giấy phép không thi hành theo yêu cầu của Thư ký theo quy định tại điều 64, và đã quá thời hạn kháng cáo theo quy định tại điều 65, hoặc Ủy ban quyết định đứng về phía yêu cầu của Thư ký, nếu Thư ký đã có giấy nhắc nhở nhưng vẫn chưa thi hành theo yêu cầu đó, Thư ký có thể xem xét quy định tiền phạt hành chính theo quy định của Luật về thủ tục hành chính, và không thấp hơn hai mươi nghìn baht một ngày.

Trong trường hợp tổ chức được cấp giấy phép vẫn bỏ qua không thực hiện đúng hoặc làm trái yêu cầu đình chỉ giấy phép, hoặc trường hợp có sự tổn thất nghiêm trọng đến lợi ích cộng đồng, Ủy ban có quyền đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép.

Việc quy định các hành vi phải đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép phải tuân theo quy định của Ủy ban.

Chương 10

Hình phạt

Điều 67: Các tổ chức hoạt động viễn thông mà không được cấp phép hoặc sử dụng sóng vô tuyến để hoạt động viễn thông mà không được cấp phép phải chịu các mức phạt sau:

(1) Nếu hành vi sai trái là việc tham gia hoạt động được quy định phải có giấy phép loại một, phải chịu phạt tiền không quá một trăm nghìn baht.

(2) Nếu hành vi sai trái là việc tham gia hoạt động được quy định phải có giấy phép loại hai, phải chịu phạt tù không quá hai năm, hoặc chịu phạt tiền không quá một triệu baht, hoặc vừa phạt tù vừa phạt tiền.

(3) Nếu hành vi sai trái là việc tham gia hoạt động được quy định phải có giấy phép loại ba phải chịu phạt tù không quá năm năm, hoặc chịu phạt tiền không quá mười triệu baht, hoặc vừa phạt tù vừa phạt tiền.

Trong trường hợp tòa án có quyết định là người phạm tội có hành vi trái với quy định của Luật này, tòa án sẽ yêu cầu sung công tất cả công cụ, thiết bị và các vật dùng khác được sử dụng trong hành vi đó.

Điều 68: Tổ chức được cấp giấy phép nào mở rộng cung cấp dịch vụ mà không được cấp phép theo quy định tại điều 14 phải chịu phạt tù không quá ba năm, hoặc chịu phạt tiền không quá sáu trăm nghìn baht, hoặc vừa phạt tù vừa phạt tiền.

Điều 69: Tổ chức được cấp giấy phép nào làm trái quy định tại điều 21, phải chịu phạt tù không quá ba năm, hoặc chịu phạt tiền không quá sáu trăm nghìn baht, hoặc vừa phạt tù vừa phạt tiền. Trong trường hợp tái phạm phải chịu mức phạt gấp đôi.

Điều 70: Tổ chức được cấp giấy phép nào không thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban theo quy định tại điều 31 phải chịu phạt tù không quá ba năm, hoặc chịu phạt tiền không quá sáu trăm nghìn baht, hoặc vừa phạt tù vừa phạt tiền.

Điều 71: Tổ chức nào kiểm tra hoặc bảo hành tiêu chuẩn của thiết bị được sử dụng trong hoạt động viễn thông mà không được cấp phép theo quy định tại điều 36 phải chịu phạt tù không quá ba tháng hoặc chịu phạt tiền không quá năm mươi nghìn baht, hoặc vừa phạt tù vừa phạt tiền.

Tổ chức được cấp giấy phép thành lập ban kiểm tra và bảo hành tiêu chuẩn của thiết bị sử dụng trong hoạt động viễn thông không thực hiện theo các điều kiện mà Ủy ban quy định tại điều 36 đoạn bốn phải chịu phạt tiền không quá mười nghìn baht.

Điều 72: Tổ chức nào vi phạm điều 44 đoạn một nhưng không làm cho hệ thống viễn thông bị sụp đổ phải chịu phạt tù không quá sáu tháng, hoặc chịu phạt tiền không quá một trăm nghìn baht, hoặc vừa phạt tù vừa phạt tiền.

Điều 73: Tổ chức nào gây thiệt hại, phá hủy, làm giảm giá trị, làm mất giá trị ký hiệu, phao hoặc những vật khác được quy định nhằm bảo vệ hệ thống viễn thông theo quy định của Ủy ban tại điều 44 đoạn hai phải chịu phạt tù không quá hai năm, hoặc chịu phạt tiền không quá bốn trăm nghìn baht hoặc vừa phạt tù vừa phạt tiền.

Điều 74: Tổ chức nào có bất kỳ hành vi nào nhằm gài bẫy, khai thác hoặc công khai tin tức hoặc thông tin khác có việc giao tiếp viễn thông không hợp pháp phải chịu phạt tù không quá hai năm, hoặc phạt tiền không quá bốn trăm nghìn baht, hoặc vừa phạt tù vừa phạt tiền.

Điều 75: Tổ chức nào không hỗ trợ cán bộ thi hành nhiệm vụ tại điều 51 đoạn một (1) hoặc không làm chứng hoặc không cung cấp giấy tờ hoặc vật khác theo thư mời của cán bộ tại điều 61 đoạn một (2), phải chịu phạt tù không quá một tháng hoặc phạt tiền không quá mười nghìn baht, hoặc vừa phạt tù vừa phạt tiền.

Điều 76: Tổ chức nào cản trở việc thi hành nhiệm vụ của cán bộ tại điều 63 đoạn một phải chịu phạt tù không quá sáu tháng hoặc phạt tiền không quá một trăm nghìn baht hoặc vừa phạt tù vừa phạt tiền.

Điều 77: Những lỗi theo Luật này có hình phạt tù không quá sáu tháng, Ủy ban có quyền so sánh mức phạt. Vấn đề này, Ủy ban có thể bỏ nhiệm tiểu ban để thực hiện việc so sánh mức phạt thay, và phải quy định nguyên tắc trong việc so sánh hoặc quy định các điều kiện trong việc thi hành nhiệm vụ của tiểu ban.

Trường hợp hành vi sai trái bị phát hiện bởi thanh tra, và tổ chức vi phạm chấp nhận so sánh, thanh tra phải trình vấn đề lên Ủy ban để tiến hành xem xét so sánh mức phạt một cách nhanh chóng.

Khi tổ chức vi phạm đã nộp tiền phạt do Ủy ban xem xét, xem như đơn kiện đó được hủy bỏ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Điều 78: Trường hợp tổ chức vi phạm nhận hình phạt theo quy định của Luật này là pháp nhân, giám đốc điều hành, quản lý hoặc người chịu trách nhiệm hoạt động của pháp nhân đó phải chịu phạt theo quy định dành cho hành vi đó, trừ khi chứng minh được rằng hành vi đó là do không biết hoặc chấp nhận.

Điều khoản dự phòng

Điều 79: Ủy ban tiến hành cấp giấy phép tham gia hoạt động viễn thông theo quy định của Luật này cho Bộ thông tin Thái Lan và tổ chức điện thoại quốc gia theo hình thức và loại hình của hoạt động tham gia, phạm vi cung cấp dịch vụ, cùng với các quyền lợi trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi trách nhiệm của Bộ thông tin Thái Lan và tổ chức điện thoại quốc gia hiện có trong ngày Luật này có hiệu lực. Về vấn đề này không được quá một trăm tám mươi ngày kể từ ngày Ủy ban ra thông báo quy định nguyên tắc cấp phép tại điều 8.

Việc cấp giấy phép tại đoạn một, Ủy ban phải quy định các điều kiện liên quan đến việc tham gia hoạt động của Bộ thông tin Thái Lan và tổ chức điện thoại quốc gia một cách phù hợp, và phải cân nhắc đến lợi ích cộng đồng đã được nhận dịch vụ, và sự phát triển để có dịch vụ chất lượng và hiệu quả hoặc các vấn đề khác nhằm đạt được mục tiêu của Luật này.

Bộ thông tin Thái Lan và tổ chức điện thoại quốc gia phải báo thông tin chi tiết liên quan đến việc tham gia hoạt động viễn thông cho Ủy ban biết trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Trong khi chưa nhận được giấy phép theo quy định tại đoạn một, Bộ thông tin Thái Lan và tổ chức điện thoại quốc gia có thể tiếp tục thực hiện hoạt động viễn thông.

Điều 80: Việc tham gia hoạt động viễn thông của Bộ thông tin Thái Lan hoặc tổ chức điện thoại quốc gia được cấp giấy phép theo quy định tại điều 79, nếu các tổ chức trên có sự cho phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận với tổ chức khác là tổ chức hoạt động viễn thông từ trước khi Luật này có hiệu lực, tổ chức được cấp giấy phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận đó có quyền tiếp tục tham gia hoạt động viễn thông theo phạm vi và quyền lợi đã được cấp phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận cho đến khi giấy phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận trên hết hiệu lực.

Việc tham gia hoạt động viễn thông của tổ chức được cấp phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận tại đoạn một phải tuân theo nguyên tắc của Luật này, và theo điều kiện mà Ủy ban quy định trên nền tảng nguyên lý cạnh tranh tự do và công bằng. Vấn đề này được xem là tổ chức đó có quyền lợi và trách nhiệm tương tự với tổ chức được cấp giấy phép theo quy định của Luật này. Hành vi vi phạm nào theo quy định của Luật này có thể xem là nguyên nhân để Ủy ban thu hồi giấy phép. Nếu là hành vi của của tổ chức được cấp phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận, Ủy ban có quyền yêu cầu thu hồi giấy phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận đó.

Việc thỏa thuận sửa đổi điều kiện cấp phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận không phải là việc giảm hoặc giới hạn quyền lợi trong việc tham gia hoạt động viễn thông trong thời gian còn lại của việc cấp phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận đó, không được xem là hành vi có ảnh hưởng đến sự hoàn thiện của việc cấp phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận trên.

Trường hợp tổ chức được cấp phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận nào thỏa thuận với Bộ thông tin Thái Lan hoặc tổ chức điện thoại quốc gia để thay đổi việc cấp

phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận thành việc được cấp giấy phép theo quy định của Luật này, Ủy ban phải tiến hành cấp giấy phép cho tổ chức được cấp phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận đó, để được quyền lợi tham gia hoạt động viễn thông theo phạm vi cung cấp dịch vụ từ trước mà đương sự đã thỏa thuận với nhau và theo khoảng thời hạn còn lại của việc cấp phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận đó. Vấn đề này phải không cản trở hoặc làm trái lại với quy định của Luật này. Việc cấp giấy phép phải áp dụng quy định tại điều 79 một cách linh động.

Áp dụng quy định tại điều này thi hành với tổ chức được cấp phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận từ tổ chức chính phủ khác vào ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 81: Khi Ủy ban đã thông báo quy định nguyên tắc cấp phép theo quy định tại điều 8, tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông hợp pháp hoạt động trước khi có thông báo ít nhất một trăm hai mươi ngày và không thuộc hiệu lực của điều 79 và điều 80, nếu mong muốn tiếp tục cung cấp dịch vụ phải nộp đơn xin cấp giấy phép theo quy định của Luật này trong vòng chín mươi ngày kể từ ngày Ủy ban ra thông báo trên, và trong thời gian đó có thể tiếp tục cung cấp dịch vụ. Về vấn đề này Ủy ban phải xem xét xong đơn xin cấp giấy phép trong vòng chín mươi ngày kể từ ngày nhận được đơn xin cấp giấy phép.

Áp dụng quy định tại đoạn một thi hành với việc Ủy ban ra thông báo quy định hình thức và loại hình của hoạt động viễn thông bổ sung sau khi ra thông báo tại đoạn một một các linh động.

Lưu ý: Lý do thông báo sử dụng Luật này là do Luật thành lập Ban quy hoạch sóng vô tuyến và quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông năm 2000, là Luật được ban hành theo quy định tại điều 40 Hiến pháp vương quốc Thái Lan quy định thành lập Ủy ban phát thanh và truyền hình và Ủy ban viễn thông quốc gia, là ủy ban tự do làm nhiệm vụ quy hoạch sóng vô tuyến và quản lý giám sát hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông. Ủy ban viễn thông quốc gia có quyền trong việc cấp phép và quản lý giám sát việc tham gia hoạt động viễn thông và ban hành luật về việc tham gia hoạt động viễn thông. Vì vậy, để đạt được theo quy định của luật trên cùng với việc tham gia hoạt động viễn thông được quy định phải có giấy phép, phải hủy bỏ luật về điện tín và điện thoại để phù hợp với luật trên. Vì vậy phải ban hành Luật này.

This translated version is prepared with the sole purpose of facilitating the comprehension of foreign participants in the telecommunication rules and regulations and shall not in any event or by any reason be construed or interpreted as having effect in substitution for supplementary to the Thai version thereof. If its translation to other languages is in contrary to Thai version, the latter shall prevail.

Please note that the translation has not been subjected to an official review by the Office of the National Broadcasting and Telecommunications Commission. The Office of NBTC, accordingly, shall not undertake any responsibility for its accuracy, nor be held liable for any loss or damages arising from or in connection with its use.